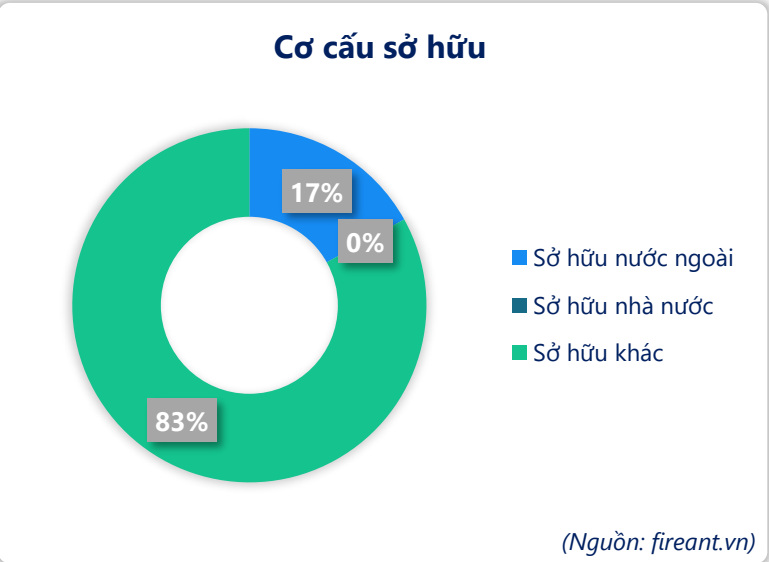
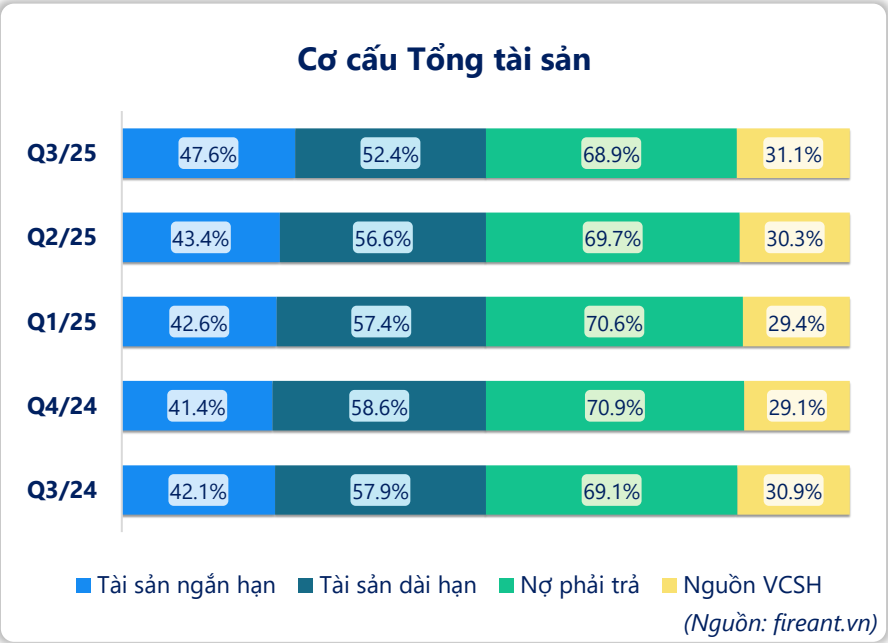
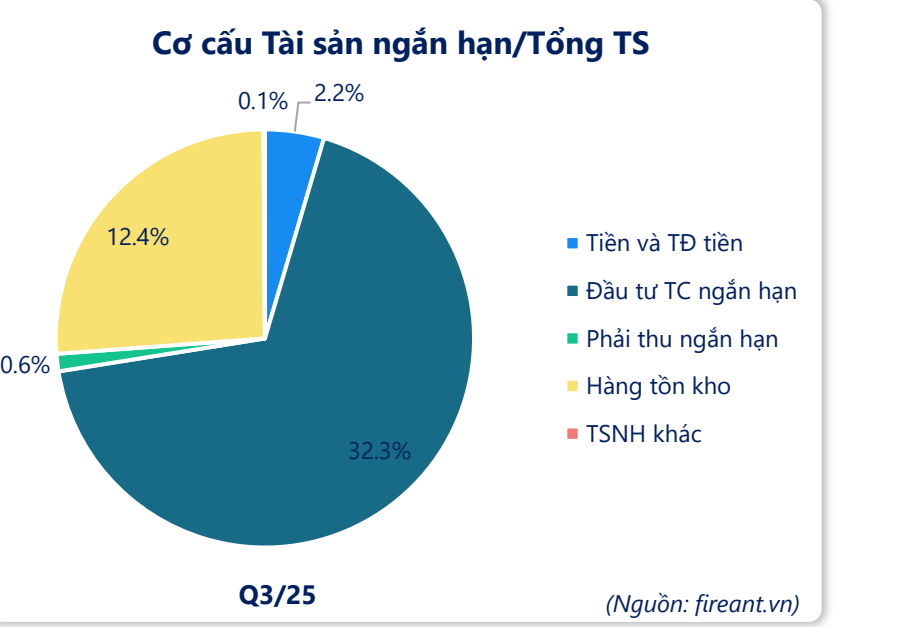
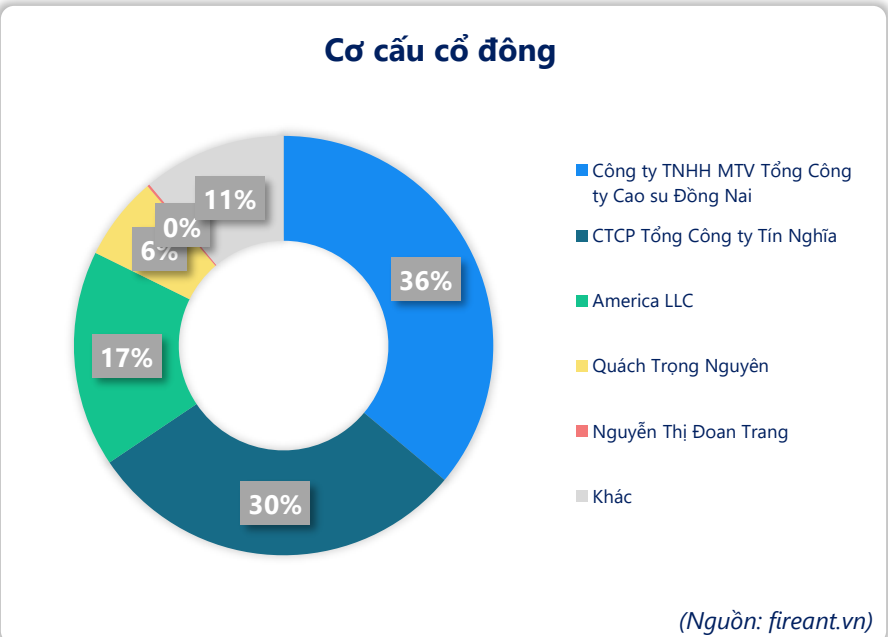
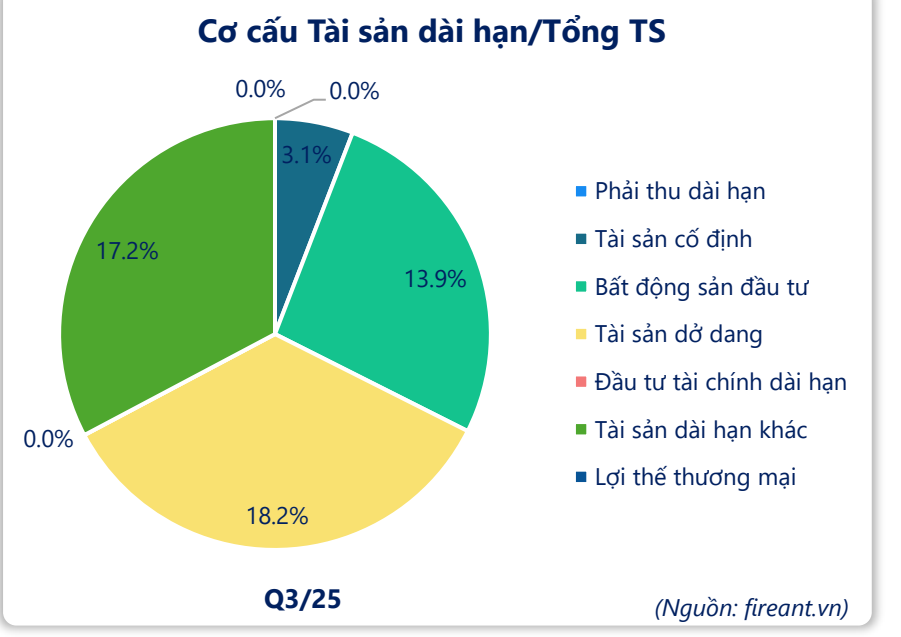
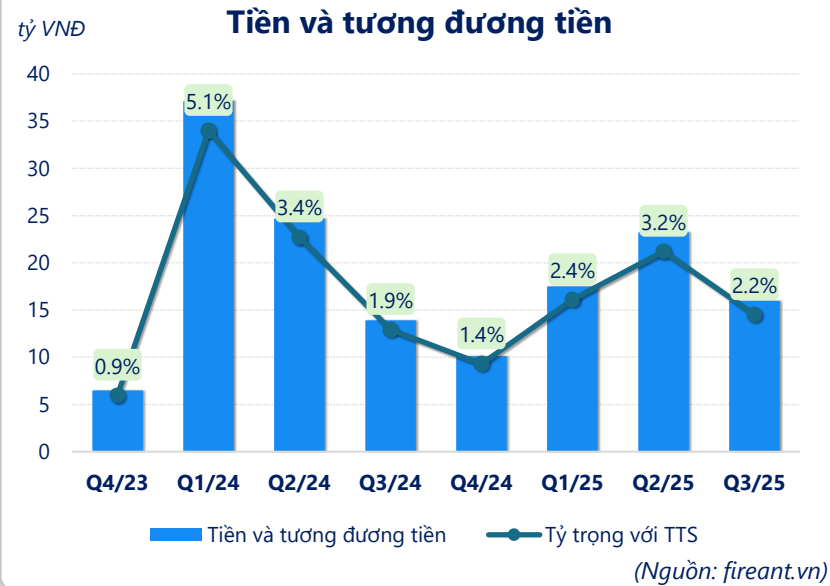
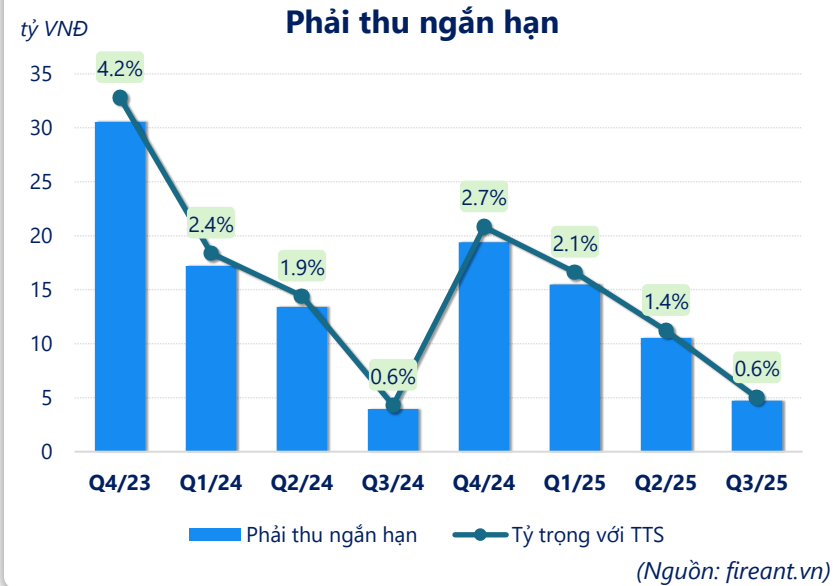
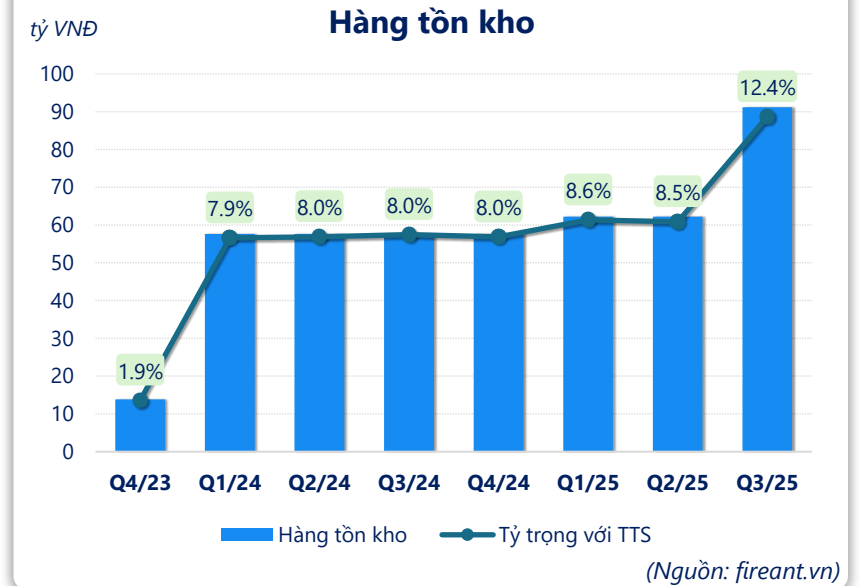
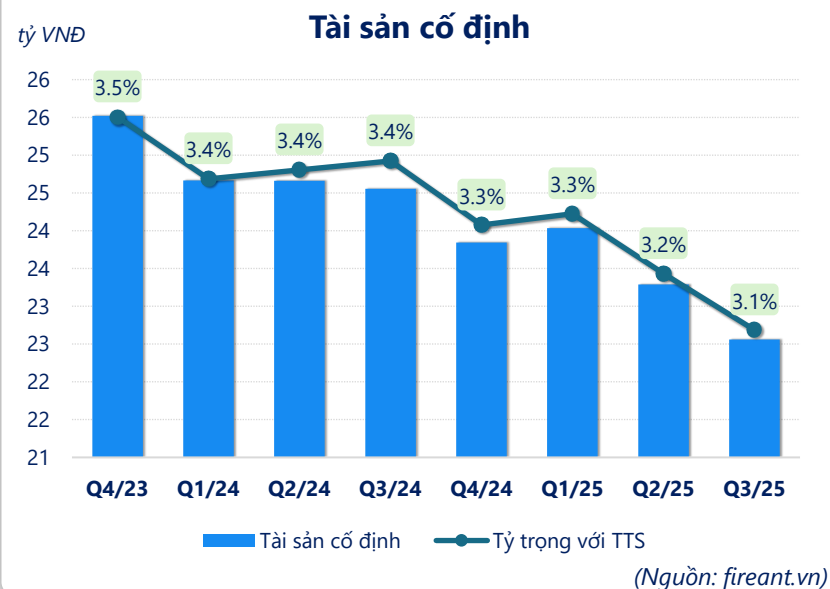
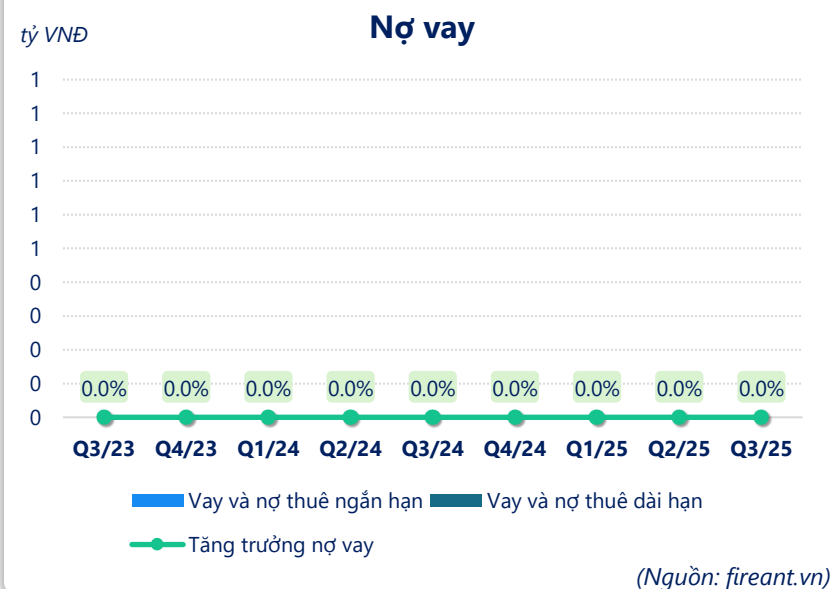
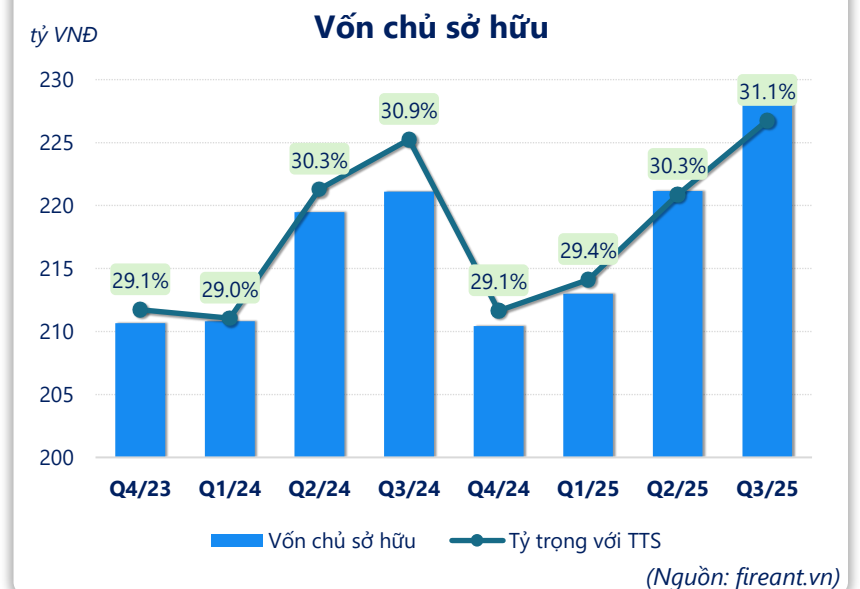
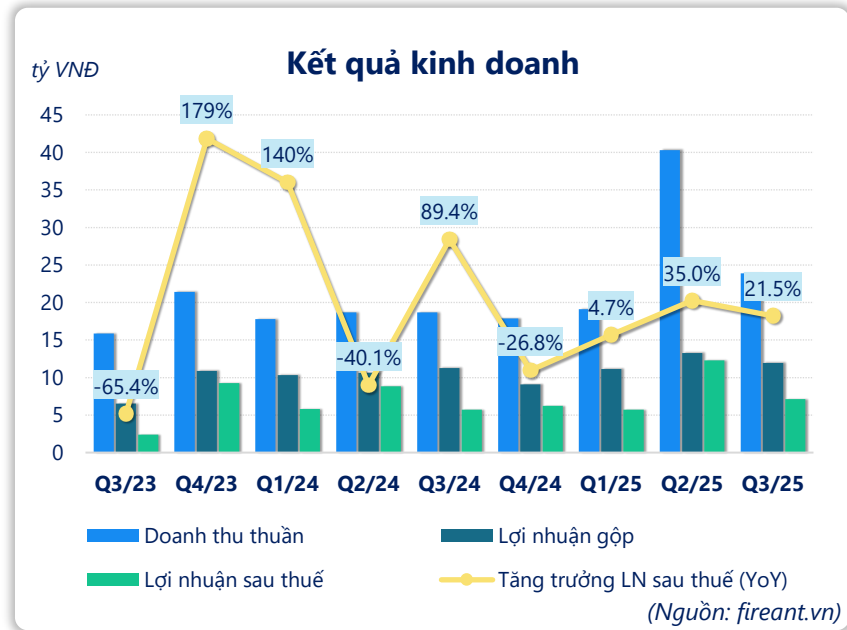
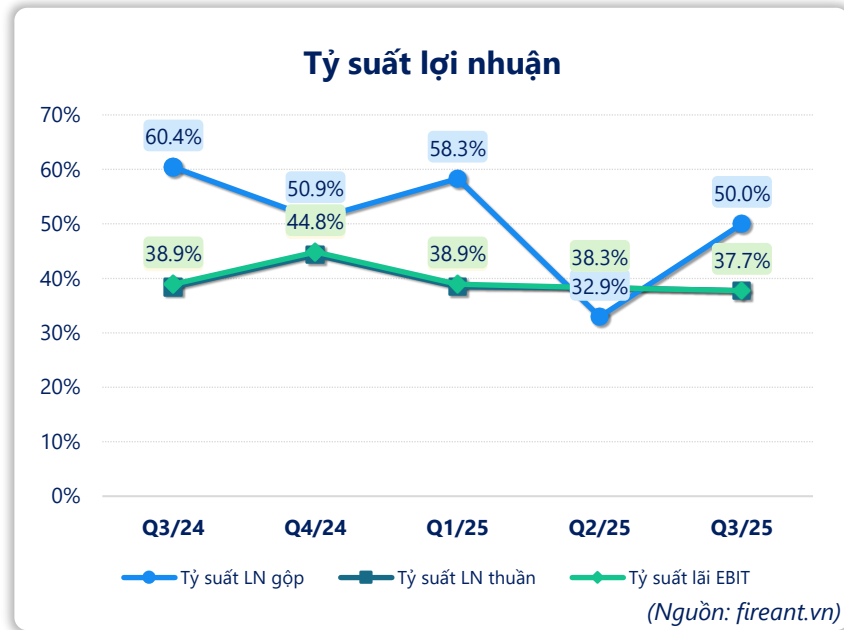
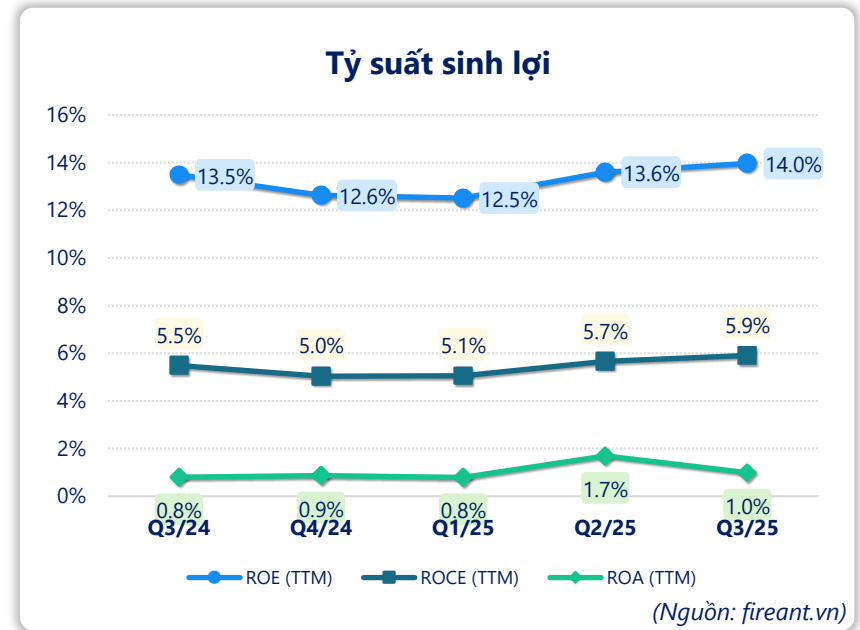
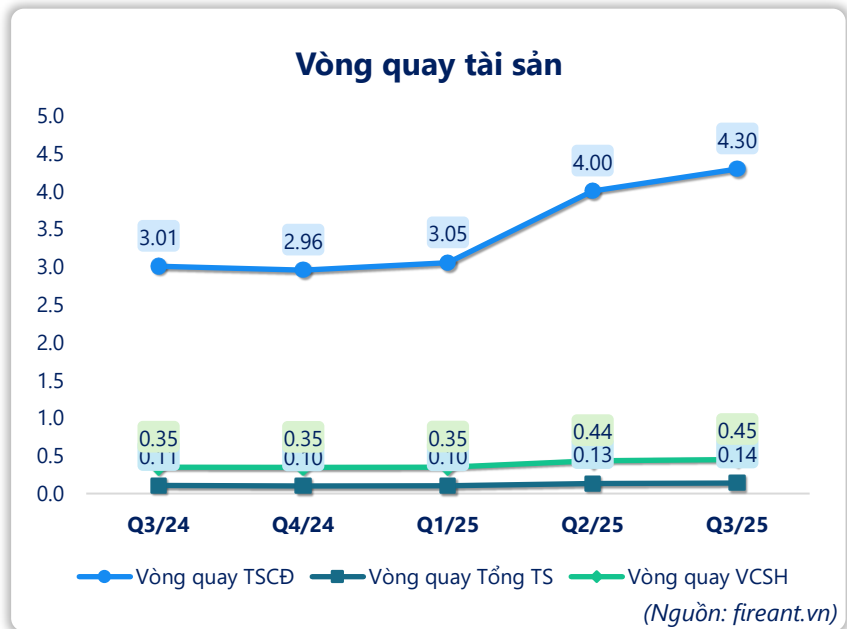
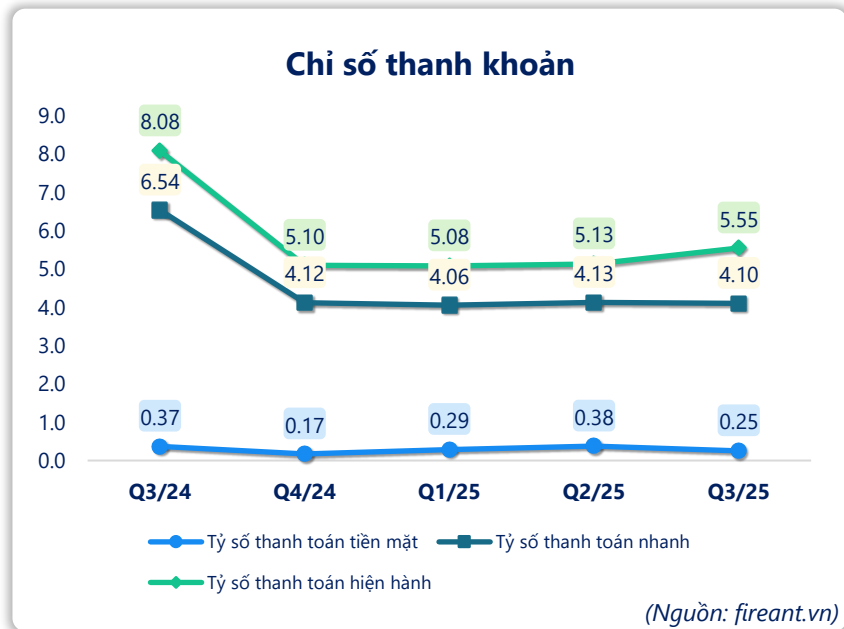
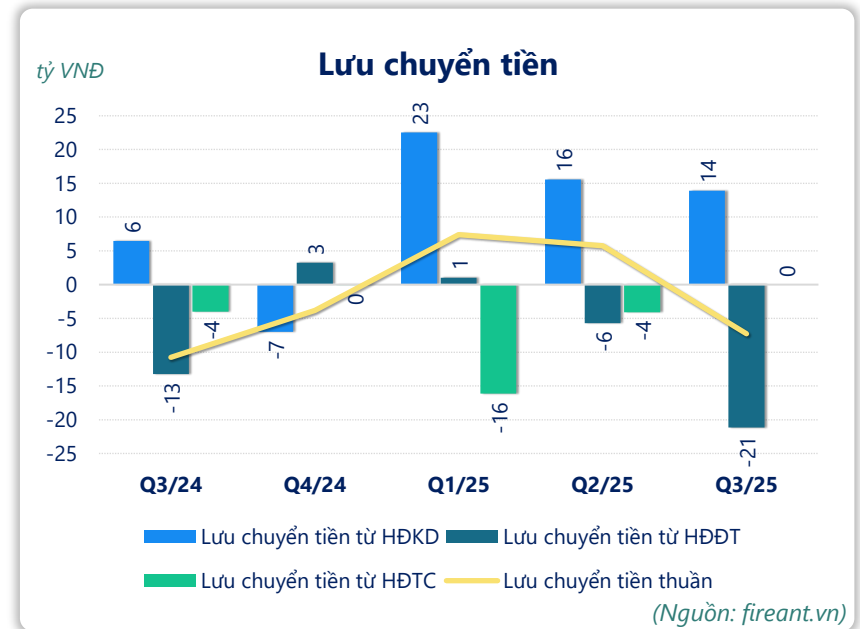


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		36,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,235
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		34,400
SL cổ phiếu LH		8,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		35
% sở hữu nước ngoài		16.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		296
P/E		9.4
EPS		3,827

	YTD	1T	3T	6T
BAX	-10.7%	1.7%	0.8%	-6.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	735	724	1.5%
Tài sản ngắn hạn	350	300	16.6%
Tiền và tương đương tiền	16.0	10.1	58.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	238	211	12.4%
Phải thu ngắn hạn	4.71	19.4	-75.7%
Hàng tồn kho	91.2	57.6	58.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.38	1.67	-77.3%
Tài sản dài hạn	385	424	-9.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.6	23.8	-5.4%
Bất động sản đầu tư	102	114	-10.3%
Tài sản dở dang	134	158	-15.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	126	128	-1.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	507	514	-1.4%
Nợ ngắn hạn	63.1	58.9	7.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.07	7.08	-42.5%
Nợ dài hạn	444	455	-2.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	228	210	8.5%
Vốn chủ sở hữu	228	210	8.5%
Vốn điều lệ	82.0	82.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	18.7	17.9	19.1	40.3	23.9
Giá vốn hàng bán	7.40	8.78	7.97	27.0	11.9
Lợi nhuận gộp	11.3	9.10	11.2	13.3	12.0
Doanh thu HĐTC	0.65	5.33	0.66	5.53	0.62
Chi phí TC	0	0	0.01	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0.01	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.76	6.51	4.46	3.38	3.56
LN thuần từ HĐKD	7.16	7.92	7.35	15.4	9.01
Lợi nhuận khác	0.10	0.10	0.08	0	0
LN trước thuế	7.26	8.02	7.43	15.4	9.01
Lợi nhuận sau thuế	5.72	6.23	5.73	12.3	7.14
LNST của CĐ cty mẹ	5.72	6.23	5.73	12.3	7.14

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.46	-7.01	22.5	15.6	13.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.2	3.27	1.01	-5.73	-21.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.01	-0.06	-16.1	-4.10	0
Tiền đầu kỳ	24.7	13.9	10.1	17.5	23.2
Lưu chuyển tiền thuần	-10.8	-3.80	7.40	5.74	-7.26
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.9	10.1	17.5	23.2	16.0

(Nguồn: fireant.vn)